

Bản án số: 07 /2017/HSST
Ngày 02 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤC HOÀ, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thúy**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Lương Văn Phúc**
 - + Ông **Lý Trung Hải**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đinh Hữu Tuyên**- Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hoà tham gia phiên tòa:* Ông **Nông Thế Thuyết** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2017/HSST ngày 16/6/2017 đối với bị cáo:

- **Vương Văn Đ** - Sinh ngày 26/01/1990.

Nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện PH, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 10/12

Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Con ông: Vương Văn D - Sinh năm 1967; Con bà: Hoàng Thị E

Vợ: Chưa có; Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2016 (Bị cáo có con chung với chị Đinh Thị B - sinh năm 2000).

Tiền án: Không.

Tiền sự: Bị cáo có 03 tiền sự. Ngày 22/7/2016 bị Công an xã C, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác với hình thức phạt tiền. Ngày 23/5/2017 bị Công an huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng (ra 02 quyết định) xử phạt vi phạm hành chính về (02) hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- **Người bị hại: Ma Thị D** - Sinh năm 1966

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Văn T** - Sinh năm 1980

Trú tại: Phố P II, Thị trấn H, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 19/4/2017, Vương Văn Đ đến nhà của Ma Văn B ở xóm H, xã T, huyện PH chơi. Thấy B không ở nhà và phát hiện chiếc xe mô tô hiệu HONDA biển kiểm soát 11F8-5573 để ở sân, Đ nảy sinh ý định lấy chiếc xe mang đi cầm cố để có tiền trả nợ và chi tiêu cho bản thân. Gặp bà Ma Thị D là mẹ của B, Đ tự giới thiệu mình là bạn của B và nói dối là bị người khác đánh, không có xe đi về và xin ngủ lại đây. Để tạo lòng tin, Đ mượn chiếc điện thoại di động của bà D gọi cho B đang làm công nhân ở thành phố Cao Bằng để xin ngủ lại nhà B. Được B và bà D nhất trí, Đ ở lại ăn cơm với vợ chồng bà D rồi ngủ lại ở đó với mục đích để sáng hôm sau mượn xe máy mang đi cầm cố lấy tiền. Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 20/4/2017, Đ ngủ dậy và hỏi bà D cho mượn chiếc xe mô tô hiệu HONDA biển kiểm soát 11F8-5573 và nói dối hôm sau sẽ mang xe vào trả, tưởng Đ nói thật nên bà D đã đưa chìa khóa xe cho Đ. Mượn được xe, Đ điều khiển xe đi về, trên đường đi Đ vào một cửa hàng tạp hóa mua 01 lít xăng thì thấy trong cốp có 01 giấy đăng ký xe mô tô. Đ đổ xăng xong, Đ điều khiển xe đến hiệu cầm đồ của anh Phạm Văn T ở phố P II, thị trấn H, huyện PH, lấy giấy tờ xe đưa cho anh T và nói dối là xe do Đ mua lại với người khác, rồi cầm cố chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng. Số tiền này Đ mang đi trả nợ hết 2.400.000 đồng, đánh xỏ số hết 400.000 đồng, mua Hê rô in về sử dụng hết 200.000 đồng. Đến ngày 22/4/2017, thấy Đ không mang xe đến trả, B gọi điện thoại và tìm gặp Đ để hỏi xe nhiều lần nhưng Đ cố tình trốn tránh. Do đó, bà Ma Thị D đã có đơn yêu cầu cơ quan Công an huyện Phục Hòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/4/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phục Hòa đã tiến hành thu giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11F8 - 5573, giấy đăng ký xe mô tô và 01 hợp đồng cầm đồ.

Ngày 10/5/2017, Công an huyện Phục Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền đối với Phạm Văn T về hành vi "cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố" (theo điểm e, khoản 2, Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL - ĐG ngày 10/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 11F8 - 5573 có giá là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 06/KSĐT- KT ngày 14/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa đã truy tố Vương Văn Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vương Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, cụ thể: Để có tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân, ngày 20/4/2017 bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe máy của bà D đem đi cầm cố.

Người bị hại Ma Thị D cũng xác nhận nội dung vụ việc xảy ra đúng như bản Cáo trạng đã nêu, bà đã nhận lại chiếc xe mô tô và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn T khai: Anh không quen biết với Đ. Ngày 20/4/2017, Đ vào hiệu cầm đồ nhà anh để cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô màu đỏ, đã cũ, đăng ký xe mang tên Ma Thị D. Đ nói chiếc xe này là của Đ mua lại với người khác. Vì không biết được đây là tài sản do Đ lừa đảo chiếm đoạt nên sau khi kiểm tra xe, giấy tờ xe anh đã nhất trí làm hợp đồng cầm đồ chiếc xe trên với giá 3.000.000đồng. Ngày 27/4/2017, cơ quan điều tra Công an huyện Phục Hòa đã thu giữ chiếc xe nên anh yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 3.000.000đồng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố; Sau khi xem xét đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 139; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Vương Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Ma Thị D đã nhận lại tài sản nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng vụ án: Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xphone đã qua sử dụng vì không liên quan đến vụ án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vương Văn Đ nhất trí về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phục Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Vương Văn Đ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu hồi được và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 20/4/2017, Đ đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu HONDA biển kiểm soát 11F8 - 5573 trị giá 2.000.000 đồng của bà D đem đến hiệu cầm đồ của anh T cầm cố với giá 3.000.000 đồng để mang tiền đi trả nợ, tiêu sài cá nhân hết.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa truy tố bị cáo Vương Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi nhưng không chịu lao động chân chính mà bất chấp pháp luật dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe máy của bà D. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an toàn trật tự tại địa phương.

Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, liên tục vi phạm pháp luật, đã 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác và dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng vẫn lại tiếp tục có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe máy của bà D. Điều này thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Ma Thị D đã nhận lại chiếc xe mô tô hiệu HONDA biển kiểm soát 11F8 - 5573, bà D không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận với cửa hàng cầm đồ của anh Phạm Văn T, anh T yêu cầu bị cáo phải trả lại. Tại phiên tòa, bị cáo cũng nhất trí trả lại cho anh T số tiền trên, nên cần công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và anh T.

[5] Đối với anh Phạm Văn T, có hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố, nên Công an huyện Phục Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô hiệu HONDA biển kiểm soát 11F8 - 5573 bị cáo chiếm đoạt của bà Ma Thị D, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà D là đúng quy định của pháp luật.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xphone màu đen, đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoàn trả cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Vương Văn Đ** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
Áp dụng: Khoản 1 Điều 139; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự
Xử phạt: Bị cáo Vương Văn Đ **09 (chín) tháng tù**. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 27/4/2017 .

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 123, 131 Bộ luật dân sự năm 2015;

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Vương Văn Đ và anh Phạm Văn T về việc bị cáo nhất trí trả lại cho anh Phạm Văn T trú tại: Phố P II, Thị trấn H, huyện PH, tỉnh Cao Bằng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;
Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động hiệu Xphone màu đen, đã qua sử dụng.

(Xác nhận số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phục Hòa, Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/6/2017).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Vương Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKS huyện;
- CCTHADS huyện;
- CA Huyện;
- Bị cáo;
- THAHS(2);
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Thúy

